

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II - MÔN: CÔNG NGHỆ 7

Năm học: 2024 – 2025

Bài	9	10	11	12
Số tiết	2	2	1	1
Số điểm	3,5	3,5	1,5	1,5
Câu	I.C2; I.C3; I.C6; II.C1	I.C7; II.C2; II.C3	I.C5; I.C8; I.C10	I.C1; I.C4; I.C9

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng		Điểm số
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Số CH		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Mở đầu về chăn nuôi	Vai trò, triển vọng của chăn nuôi	1						1		0,5
		Các loại vật nuôi đặc trưng ở nước ta	1						1		0,5
		Phương thức chăn nuôi				0,5		0,5		1	2,0
2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi	3			1		1	3	2	4,5
		Phòng, trị bệnh cho vật nuôi	2		1				3		1,5
		Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	1		1				2		
Tổng câu			8		2	1,5		1,5	10	3	13
Tổng điểm			4		3		3		5	5	10
Tỉ lệ (%)			40		30		30		50	50	100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II – MÔN: CÔNG NGHỆ 7
Năm học: 2024 – 2025

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Mở đầu về chăn nuôi	1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi (Bài 9)	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế. - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam.	I.C2		
		1.2. Các loại vật nuôi đặc trưng ở nước ta (Bài 9)	Nhận biết: - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm...). - Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm...).	I.C3		
		1.3. Phương thức chăn nuôi (Bài 9)	Nhận biết: Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.			
			Thông hiểu: Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.		II.C1a	
			Vận dụng: Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương.			II.C1b
2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi (Bài 10, Bài 12)	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản	I.C1; I.C4; I.C7		

			Thông hiểu: - Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. - So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản.		II.C2	
			Vận dụng: Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương.			II.C3
		2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi (Bài 11)	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. - Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi.	I.C5 I.C8		
			Thông hiểu: - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. - Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. - Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi		I.C10	
			Vận dụng cao: Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc, phòng, trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình.			
		2.3. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi (Bài 9, Bài 12)	Nhận biết: Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi.	I.C9		
			Thông hiểu: Nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.		I.C6	
		Tổng câu		8	3,5	1,5

ĐỀ CHÍNH THỨC

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm): Chọn một đáp án đúng của mỗi câu và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Đây là cách cho ăn phù hợp đối với gà dưới một tháng tuổi?

- A. Cho ăn từ 3- 4 lần/ngày, mỗi lần cách nhau khoảng 3- 4 giờ.
- B. Cho ăn thức ăn giàu đạm, cho ăn tự do, thức ăn luôn có trong máng để gà ăn liên tục.
- C. Cho ăn tự do để gà lớn nhanh, chóng được xuất bán.
- D. Cho ăn thức ăn giàu chất xơ, cho ăn liên tục nhiều lần trong ngày.

Câu 2. Vai trò của chăn nuôi là

- A. cung cấp lương thực, thực phẩm, phân bón, nguyên liệu xuất khẩu.
- B. cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho chế biến và trồng trọt.
- C. cung cấp thực phẩm, phân bón, nguyên liệu cho xuất khẩu và chế biến.
- D. cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.

Câu 3. Gà Đông Tảo có nguồn gốc ở địa phương nào sau đây?

- A. Văn Lâm - Hưng Yên.
- B. Khoái Châu - Hưng Yên.
- C. Tiên Lữ - Hưng Yên.
- D. Văn Giang - Hưng Yên.

Câu 4. Thức ăn cho gà được chia thành mấy loại cơ bản?

- A. 5.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 5. Việc tiêm phòng vaccine cho vật nuôi có tác dụng gì?

- A. Tăng cường sức khỏe, sức đề kháng cho vật nuôi.
- B. Tiêu diệt mầm bệnh, hạn chế sự tiếp xúc của vật nuôi với nguồn bệnh.
- C. Tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại tác nhân gây bệnh.
- D. Giảm tác hại của bệnh và giúp vật nuôi nhanh hồi phục.

Câu 6. Một trong những biện pháp chính để bảo vệ môi trường chăn nuôi là

- A. quy hoạch, đưa trại chăn nuôi ra xa khu dân cư.
- B. vệ sinh chuồng nuôi, đưa chất thải chăn nuôi xuống ao hoặc sông, hồ.
- C. vớt xác vật nuôi bị chết ra bãi rác.
- D. nuôi trâu, bò; dưới gầm nhà sàn.

Câu 7. Mỗi gia súc cái sinh sản đều trải qua mấy giai đoạn?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 8. Bệnh nào sau đây ở vật nuôi có nguyên nhân do môi trường sống không thuận lợi?

- A. Bệnh cúm gia cầm.
- B. Bệnh còi xương ở lợn.
- C. Bệnh cảm nóng ở gà.
- D. Bệnh tụ huyết trùng ở lợn.

Câu 9. Vai trò nào dưới đây **không** phải là vai trò của lớp độn chuồng?

- A. Giúp gà không bị lạnh chân và ít bệnh tật.
- B. Giúp giảm khí độc trong chuồng nuôi.
- C. Giúp sàn chuồng khô ráo.
- D. Là nơi chứa thức ăn cho gà.

Câu 10. Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, hành động nào sau đây của người chăn nuôi là đúng?

- A. Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm.
- B. Bán ngay khi có thể.
- C. Tự mua thuốc về điều trị.
- D. Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám để điều trị kịp thời.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

- a. Trình bày ưu điểm và hạn chế của phương thức chăn nuôi nông hộ.
- b. Cho biết phương thức chăn nuôi phù hợp với một số đối tượng vật nuôi cụ thể ở địa phương em.

Câu 2. (1,0 điểm) Thức ăn và cách chăm sóc vật nuôi non khác vật nuôi trưởng thành như thế nào?

Câu 3. (2,0 điểm) Hãy quan sát hoạt động chăn nuôi ở gia đình em, đưa ra những hoạt động chưa hợp lý và đề xuất các biện pháp khắc phục nhằm bảo vệ môi trường.

-----Hết-----

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm): Chọn một đáp án đúng của mỗi câu và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Đây là cách cho ăn phù hợp đối với gà trên ba tháng tuổi?

- A. Cho ăn từ 3- 4 lần/ngày, mỗi lần cách nhau khoảng 3- 4 giờ.
- B. Cho ăn thức ăn giàu đạm, cho ăn tự do, thức ăn luôn có trong máng để gà ăn liên tục.
- C. Cho ăn tự do để gà lớn nhanh, chóng được xuất bán.
- D. Cho ăn thức ăn giàu chất xơ, cho ăn liên tục nhiều lần trong ngày.

Câu 2. Một trong những vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi đối với đời sống con người?

- A. Cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.
- B. Cung cấp nguồn thực phẩm có dinh dưỡng cao.
- C. Cung cấp nguồn gene quý hiếm.
- D. Cung cấp nguồn đạm động vật bổ dưỡng, dễ tiêu hoá, không gây béo phì.

Câu 3. Lợn cỏ **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Da và lông có màu đen.
- B. Dễ nuôi.
- C. Đẻ nhiều.
- D. Khối lượng nhỏ (chỉ khoảng 10-15kg).

Câu 4. Thức ăn cho gà thịt cần có đủ mấy nhóm dinh dưỡng?

- A. 5.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 5. Việc tiêm phòng vaccine cho vật nuôi có tác dụng gì?

- A. Giảm tác hại của bệnh và giúp vật nuôi nhanh hồi phục.
- B. Tiêu diệt mầm bệnh, hạn chế sự tiếp xúc của vật nuôi với nguồn bệnh.
- C. Tăng cường sức khoẻ, sức đề kháng cho vật nuôi.
- D. Tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại tác nhân gây bệnh.

Câu 6. Hoạt động nào trong chăn nuôi dưới đây có thể gây ô nhiễm môi trường?

- A. Xây hầm biogas để xử lý chất thải cho các trang trại chăn nuôi.
- B. Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.
- C. Thả rông vật nuôi, nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn.
- D. Thu chất thải của vật nuôi để làm phân hữu cơ.

Câu 7. Mỗi gia cầm mái sinh sản đều trải qua mấy giai đoạn?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 8. Bệnh nào sau đây ở vật nuôi có nguyên nhân do vi sinh vật gây bệnh?

- A. Bệnh cúm gia cầm.
- B. Bệnh còi xương ở lợn.
- C. Bệnh cảm nóng ở gà.
- D. Bệnh ghẻ ở chó.

Câu 9. Vai trò nào dưới đây **không** phải là vai trò của lớp sàn thoáng?

- A. Giúp chuồng nuôi luôn được thông thoáng, khô ráo.
- B. Hấp thu lượng nước dư thừa từ nước tiểu, phân thải của vật nuôi.
- C. Loại bỏ bớt các khí có hại trong chuồng nuôi.
- D. Ngăn cản sự sinh sản của vi sinh vật gây bệnh.

Câu 10. Biện pháp nào dưới đây **không** đúng khi phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

- A. Cách li vật nuôi bị bệnh với vật nuôi khỏe.
- B. Tiêm phòng vaccine đầy đủ.
- C. Vệ sinh môi trường sạch sẽ.
- D. Bán hoặc mổ thịt vật nuôi ốm.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) a. Trình bày ưu điểm và hạn chế của phương thức chăn nuôi trang trại.

b. Cho biết phương thức chăn nuôi phù hợp với một số đối tượng vật nuôi cụ thể ở địa phương em.

Câu 2. (1,0 điểm) So sánh biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non và vật nuôi đực giống.

Câu 3. (2,0 điểm) Hãy quan sát hoạt động chăn nuôi tại địa phương em, đưa ra những hoạt động chưa hợp lý và đề xuất các biện pháp khắc phục nhằm bảo vệ môi trường.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2024 - 2025, MÔN CÔNG NGHỆ 7
(ĐỀ A)

I. Trắc nghiệm (5,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	B	D	C	A	B	C	D	D

II. Tự luận (5,0 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM
Câu 1. (2,0 điểm) a. Ưu điểm và hạn chế của phương thức chăn nuôi nông hộ - Ưu điểm: (0,5 điểm) + Chi phí đầu tư chuồng trại thấp. + Quy mô nhỏ, không đòi hỏi kỹ thuật cao. + Tận dụng được các phụ phẩm trong nông nghiệp. + Sử dụng lao động nhàn rỗi và mang lại thu nhập tương đối ổn định cho nhiều gia đình. - Hạn chế: (0,5 điểm) + Năng suất chăn nuôi không cao, lợi nhuận thấp. + Xử lý chất thải chưa tốt nên nguy cơ dịch bệnh cao, ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi, con người và môi trường. + Khả năng kiểm soát chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm yếu. b. Nêu được phương thức chăn nuôi phù hợp với 4 loại vật nuôi trở lên được 1,0 đ
Câu 2. (1,0 điểm) Điểm khác biệt về thức ăn và cách chăm sóc giữa vật nuôi non và vật nuôi trưởng thành: - Lượng thức ăn: Vật nuôi non cần ăn ít hơn so với vật nuôi trưởng thành do cơ thể còn nhỏ và chức năng tiêu hóa chưa hoàn thiện. - Chế biến thức ăn: Thức ăn cho vật nuôi non thường được chế biến mềm, thơm ngon và có kích thước phù hợp với miệng của chúng để dễ ăn và tiêu hóa. - Cách chăm sóc: Việc chăm sóc vật nuôi non yêu cầu sự cẩn thận và giành nhiều thời gian hơn so với vật nuôi trưởng thành. Ngoài ra, vật nuôi non cần được giữ ấm và có môi trường sống an toàn và sạch sẽ để giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh.
Câu 3. (2,0 điểm) Gợi ý đáp án: - Những hoạt động chưa hợp lý trong chăn nuôi ở gia đình em có thể là: + Không có biện pháp xử lý chất thải. + Xây dựng chuồng nuôi sát nhà ở. + Vứt xác vật nuôi chết xuống ao, hồ, sông suối. + Thả rông vật nuôi, để vật nuôi vệ sinh bừa bãi trên đường. - Đề xuất các biện pháp khắc phục để bảo vệ môi trường: + Xây dựng hầm biogas để xử lý phân chuồng, tạo nguồn chất đốt. + Di chuyển chuồng nuôi ra xa khu vực nhà ở. + Thu gom và tiêu hủy xác vật nuôi chết bằng hình thức chôn hoặc đốt. + Cần tuân thủ các quy định của nhà nước, chính quyền địa phương trong việc chăn thả gia súc, vật nuôi. (Đưa ra 1 hoạt động chưa hợp lý và biện pháp khắc phục được 0,5 đ, HS có thể đưa ra hoạt động và biện pháp khác)

(ĐỀ B)

I. Trắc nghiệm (5,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	C	B	D	C	A	A	B	D

II. Tự luận (5,0 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1. (2,0 điểm)

a. Ưu điểm và hạn chế của phương thức chăn nuôi trang trại

- Ưu điểm: (0,75 điểm)

- + Chăn nuôi tập trung tại khu vực riêng biệt, xa khu vực dân cư đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường cho người dân.
- + Có thể chăn nuôi với số lượng vật nuôi lớn.
- + Phương thức chăn nuôi này có sự đầu tư lớn về chuồng trại, thức ăn, vệ sinh phòng bệnh,... nên chăn nuôi có năng suất cao, vật nuôi ít bị dịch bệnh.
- + Có biện pháp xử lý chất thải tốt nên ít ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe con người.
- + Mang lại giá trị lợi nhuận kinh tế cao, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho lao động nông thôn.

- Hạn chế: (0,25 điểm)

- + Đòi hỏi trình độ kỹ thuật và công nghệ cao.
- + Đòi hỏi nguồn lực (vốn, đất đai) lớn.

b. Nếu được phương thức chăn nuôi phù hợp với 4 loại vật nuôi trở lên được 1,0 đ.

Câu 2. (1,0 điểm)

	Vật nuôi non	Vật nuôi đực giống
Giống nhau	- Chuồng nuôi luôn sạch sẽ, khô ráo, thông thoáng, yên tĩnh.	
Khác nhau	- Bú sữa mẹ càng sớm càng tốt. - Tập ăn để bổ sung chất dinh dưỡng. - Vận động và tiếp xúc với ánh nắng vào sáng sớm.	- Ăn thức ăn chất lượng cao, giàu đạm. - Ăn vừa đủ để chúng không quá béo hoặc quá gầy. - Tắm chải, vận động thường xuyên

Câu 3. (2,0 điểm)

Gợi ý đáp án:

- Những hoạt động chưa hợp lý trong chăn nuôi ở địa phương em có thể là:

- + Không có biện pháp xử lý chất thải.
- + Xây dựng chuồng nuôi sát nhà ở.
- + Nhiều khu chăn nuôi tập trung tại chợ trung tâm.
- + Một số gia đình tại địa phương thả rông vật nuôi vệ sinh bừa bãi trên đường.
- Đề xuất các biện pháp khắc phục để bảo vệ môi trường:
- + Xây dựng hầm biogas để xử lý phân chuồng, tạo nguồn chất đốt.
- + Di chuyển chuồng nuôi ra xa khu vực nhà ở.
- + Di chuyển khu chăn nuôi xa chợ, tránh ô nhiễm và ảnh hưởng tới người dân.
- + Quán triệt, nhắc nhở về ý thức và việc tuân thủ quy định của chính quyền địa phương.

(Đưa ra 1 hoạt động chưa hợp lý và biện pháp khắc phục được 0,5 đ; HS có thể đưa ra hoạt động và biện pháp khác)